

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin
tại Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2017**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHCN ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 3903/QĐ-BKHCN ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ Khoa học và Công nghệ giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Công văn số 2718/BTTTT-THH ngày 10/8/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 và xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tin học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ Khoa học và Công nghệ năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Tin học, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Ban Chỉ đạo UDCNTT (để t/h);
- Bộ TTTT, Bộ KHĐT, Bộ TC;
- Lưu: VT, TTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Đại Dương

KẾ HOẠCH

**Ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ Khoa học và Công nghệ
năm 2017**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4245 /QĐ-BKH&CN ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) căn cứ các văn bản pháp lý dưới đây để nghiên cứu, xây dựng và ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) tại Bộ KH&CN năm 2017, cụ thể như sau:

- Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26/02/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ KH&CN;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 26/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;
- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;
- Quyết định số 572/QĐ-BKH&CN ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử của Bộ KH&CN;
- Quyết định số 837/QĐ-BKH&CN ngày 12/4/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành Kế hoạch cải cách hành chính của Bộ KH&CN giai đoạn

2016 - 2020;

- Quyết định số 3903/QĐ-BKHCN ngày 07/12/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ KH&CN giai đoạn 2016 - 2020;

- Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;

- Công văn số 2718/BTTTT-THH ngày 10/8/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Báo cáo tình hình thực hiện Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 và xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2017.

II. KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2016

A. Những kết quả đạt được

1. Môi trường pháp lý

Để tạo môi trường pháp lý, thuận lợi cho việc triển khai hoạt động ứng dụng CNTT năm 2016, Bộ KH&CN đã nghiên cứu, triển khai xây dựng các văn bản sau:

- Quyết định số 572/QĐ-BKHCN ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử của Bộ KH&CN;

- Dự thảo Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ KH&CN (dự kiến ban hành trong năm 2017);

- Kế hoạch ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN giai đoạn 2016 - 2020;

- Kế hoạch ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN năm 2017;

- Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ KH&CN năm 2017 và định hướng đến năm 2020;

- Quy chế quản lý và sử dụng phần mềm quản lý và điều hành công việc trên môi trường mạng của Bộ KH&CN.

2. Hạ tầng kỹ thuật

a) Tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ, công chức, viên chức đạt 100% (chưa kể các máy tính phục vụ cài đặt các ứng dụng chuyên ngành dùng chung).

b) 100% các đơn vị trực thuộc có kết nối mạng WAN đến hạ tầng của Bộ.

c) Tỷ lệ kết nối mạng LAN tại các đơn vị trực thuộc Bộ đạt 100%, tỷ lệ máy tính kết nối mạng Internet đạt 91.8%; tỷ lệ máy tính còn lại không được kết nối mạng Internet là vì lý do an ninh, cần cách ly không kết nối với Internet (chủ yếu là các máy tính của Cục Sở hữu trí tuệ).

d) Hạ tầng dùng chung của Khối cơ quan Bộ do Trung tâm Tin học quản lý:

- Đường truyền dữ liệu: 02 đường truyền tại Trụ sở 1 - 113 Trần Duy Hưng có băng thông Internet trong nước và quốc tế (500 Mbps/18Mbps) và 01

đường truyền tại Trụ sở 2 - 39 Trần Hưng Đạo băng thông Internet trong nước và quốc tế (100Mbps/08Mbps).

- Hệ thống máy chủ tại Phòng máy chủ của Bộ được đầu tư mới và đưa vào sử dụng chính thức bắt đầu từ tháng 4/2013 cơ bản đáp ứng được nhu cầu ứng dụng CNTT năm 2016, trong đó bao gồm:

+ Các hệ thống và giải pháp an toàn, an ninh thông tin đang sử dụng: Firewall; IPS; Application control and URL filtering; Anti-spam mail, Anti-virus;

+ Các giải pháp về an toàn dữ liệu đang sử dụng: Băng từ; Tủ đĩa (IBM Tape Library TS3200); SAN (Storage Area Network); NAS (Network - Attached Storage) và HDD Box.

- Ngoài ra, các hệ thống điện, điều hòa và phòng cháy chữa cháy được đầu tư và thiết theo đúng tiêu chuẩn, đảm bảo cho Hạ tầng kỹ thuật CNTT tại 113 Trần Duy Hưng hoạt động an toàn và ổn định tại thời điểm hiện tại.

- Năm 2016, hạ tầng dùng chung đã được đầu tư bổ sung góp phần đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát sinh trong năm 2016 và lộ trình phát triển Chính phủ điện tử đến năm 2020, cụ thể là: Đầu tư nâng cấp năng lực xử lý, tính sẵn sàng, mua sắm bản quyền phần mềm hệ thống cho Hạ tầng CNTT của Bộ KH&CN; Triển khai hệ thống mạng không dây lại trụ sở 113 Trần Duy Hưng.

đ) Hạ tầng kỹ thuật CNTT tại các đơn vị:

- Có trên 50% các thiết bị phòng máy chủ được đầu tư trước năm 2010 không còn đáp ứng được nhu cầu ứng dụng của các đơn vị. Tỷ lệ máy chủ được trang bị hệ điều hành có bản quyền đạt 100%. Có 09 đơn vị đã trang bị phòng máy chủ riêng như: Cục sở hữu trí tuệ; Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Văn phòng Công nhận chất lượng; Viện Khoa học sở hữu trí tuệ; Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam; Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia; Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN; Cục Thông tin KH&CN quốc gia; Cục An toàn bức xạ và hạt nhân. Hầu hết, Phòng máy chủ tại các đơn vị đều có trang bị hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin nhưng chưa đầy đủ các giải pháp an toàn, an ninh thông tin. Các phòng máy chủ đã có hệ thống lưu trữ dự phòng (backup) nhưng cũng chưa đầy đủ các giải pháp về an toàn dữ liệu.

- Ngoài ra, các Phòng máy chủ của các đơn vị đều được trang bị các hệ thống hỗ trợ đảm bảo tiêu chuẩn như: hệ thống lưu điện; hệ thống an toàn chống sét; hệ thống điều hòa; hệ thống an toàn báo cháy nổ.

3. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

a) Bộ KH&CN đã thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT.

b) Trung tâm Tin học là đơn vị chuyên trách về CNTT của Bộ; đồng thời là đơn vị được giao giúp việc Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT Bộ KH&CN, chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ triển khai các giải pháp tổng thể, các ứng dụng dùng chung, ứng dụng chuyên ngành theo nhiệm vụ được giao. Tổng số cán bộ 28 cán bộ (có trình độ học vấn: 01 Phó giáo sư, tiến sĩ; 06 thạc sĩ; 19 đại học; 02 cao đẳng).

c) Hầu hết các đơn vị đã cử 01 cán bộ đầu mối về CNTT, một số đơn vị đã thành lập bộ phận chuyên trách về CNTT như: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Cục Sở hữu trí tuệ; Cục thông tin KH&CN quốc gia; Cục An toàn bức xạ và hạt nhân; Viện Năng lượng nguyên tử;...

4. Ứng dụng CNTT trong nội bộ Bộ KH&CN

a) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã được xây dựng và triển khai dùng chung đến đầu mối tại 38/45 đơn vị (chiếm tỷ lệ khoảng 84.5%). Hiện tại, hệ thống đang được thử nghiệm tại một số đơn vị để có thể khép kín vòng xử lý văn bản đến/đi phục vụ công tác điều hành từ cấp Lãnh đạo Bộ đến cấp chuyên viên.

b) Những văn bản thường xuyên trao đổi dưới dạng điện tử tại Bộ bao gồm: Giấy mời họp; Tài liệu phục vụ cuộc họp; Văn bản đề biết, đề báo cáo; Thông báo chung của đơn vị; Các tài liệu cần trao đổi trong quá trình xử lý công việc; Các hoạt động nội bộ khác;...

c) Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp phát và sử dụng thư điện tử chính thống với địa chỉ tên miền là .gov.vn trong công việc (bao gồm Hệ thống Thư điện tử dùng chung của Bộ và Hệ thống Thư điện tử riêng của các đơn vị) đạt 100%. Tỷ lệ văn bản được trao đổi qua thư điện tử trong nội bộ cơ quan đạt 71%; Tỷ lệ văn bản được trao đổi qua thư điện tử với các cơ quan bên ngoài đạt 43%.

d) Hoàn thành xây dựng và triển khai Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức Bộ KH&CN.

5. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Trang/Cổng thông tin điện tử (Website/Portal):

- Cổng Thông tin điện tử của Bộ KH&CN (Portal MOST) đảm bảo cung cấp thông tin đến người dân và doanh nghiệp tại địa chỉ truy cập: www.most.gov.vn. Việc quản lý, duy trì vận hành đảm bảo tuân thủ đúng các quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Quyết định số 2973/QĐ-BKH&CN ngày 27/9/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành Quy chế Tổ chức quản lý và duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN; và Quyết định số 3483/QĐ-BKH&CN ngày 08/11/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc ban hành Quy chế cung cấp thông tin cho Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN. Tần suất cung cấp thông tin trung bình đạt khoảng 08 tin bài/ngày, cập nhật các thông tin về các sự kiện của Đảng, Chính phủ, Quốc hội và của Bộ, ngành, địa phương có liên quan đến các hoạt động của ngành KH&CN.

- Năm 2016, Bộ KH&CN đã triển khai dự án nâng cấp Portal MOST, trong đó bổ sung giao diện cho các thiết bị di động, khả năng kết nối mạng xã hội, liên kết và tích hợp các kênh thông tin, dịch vụ công trực tuyến với các cổng thông tin điện tử thành phần của Bộ, tăng cường công khai, minh bạch thông tin tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

- Ngoài ra, có 32/45 đơn vị đã xây dựng và duy trì Trang/Cổng thông tin điện tử (Website/Portal) để cung cấp thông tin của đơn vị phục vụ người dân và doanh nghiệp tra cứu thông tin. Hằng năm, Bộ KH&CN tổ chức đánh giá Website/Portal của các đơn vị trực thuộc Bộ, kết quả cho thấy tỷ lệ Website/Portal của các đơn vị đạt mức “Khá” và “Tốt” tăng đều theo từng năm. Các đơn vị trực thuộc Bộ đã ngày càng nhận thức được việc vận hành, duy trì trang thông tin điện tử của đơn vị mình, hầu hết các đơn vị cập nhật thông tin theo đúng quy định.

b) Triển khai các dịch vụ công trực tuyến:

- Tính đến tháng 11/2016, tổng số thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi quản lý của Bộ KH&CN là 315 thủ tục. Toàn bộ các TTHC đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2 trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Dự kiến, tính đến hết năm 2016, Bộ KH&CN sẽ triển khai cung cấp các TTHC trực tuyến mức độ 3 (số lượng dự kiến có 119 TTHC) và trực tuyến mức độ 4 (số lượng dự kiến có 02 TTHC). Các TTHC dự kiến triển khai cung cấp đạt mức độ 4 cụ thể là: Cấp phép chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức KH&CN và Cấp phép chứng nhận trong trường hợp đăng ký, thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động của KH&CN của tổ chức KH&CN.

- Ngoài ra, Bộ KH&CN đã nghiên cứu và xây dựng Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Bộ KH&CN năm 2017 và định hướng đến năm 2020.

6. Việc triển khai các cơ sở dữ liệu

Tính đến hết năm 2016, Bộ KH&CN có 11 cơ sở dữ liệu (CSDL) được xây dựng và vận hành đảm bảo phục vụ các hoạt động trong nội bộ Bộ KH&CN, cụ thể là:

TT	Tên CSDL	Trạng thái	Đơn vị chủ trì
1.	CSDL về thông tin các nhiệm vụ KH&CN	Triển khai năm 2000	Cục Thông tin KH&CN quốc gia
2.	CSDL về đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp	Triển khai năm 2002	Cục Sở hữu trí tuệ
3.	CSDL về công bố khoa học và trích dẫn khoa học	Triển khai năm 2003	Cục Thông tin KH&CN quốc gia
4.	CSDL về mã số, mã vạch	Triển khai năm 2005	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
5.	CSDL về nguồn, thiết bị phóng xạ	Triển khai năm 2008	Cục An toàn bức xạ hạt nhân
6.	CSDL về Giám định sở hữu công nghiệp	Triển khai năm 2009	Viện Khoa học sở hữu trí tuệ

TT	Tên CSDL	Trạng thái	Đơn vị chủ trì
7.	CSDL về thống kê KH&CN	Triển khai năm 2010	Cục Thông tin KH&CN quốc gia
8.	CSDL thông tin quản lý về hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển năng lượng nguyên tử ở Việt Nam	Triển khai năm 2012	Cục Năng lượng nguyên tử
9.	CSDL vật liệu hạt nhân	Triển khai năm 2014	Cục An toàn bức xạ hạt nhân
10.	CSDL về chuyên gia KH&CN	Triển khai năm 2014	Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ
11.	CSDL về thông tin các tổ chức KH&CN	Triển khai năm 2016	Cục Thông tin KH&CN quốc gia

7. Đánh giá chung

Về cơ bản Kế hoạch ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN năm 2016 đã đạt được các mục tiêu đề ra. Một số kết quả đạt được trong năm 2016 đáng kể là:

- Nghiên cứu, xây dựng một số văn bản hướng dẫn quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN: Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ KH&CN; Kế hoạch ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN giai đoạn 2016 - 2020; ...

- Nâng cấp hoàn thiện Hệ thống quản lý văn bản điều hành tác nghiệp trên môi trường mạng; Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức Bộ KH&CN.

- Nâng cấp hoàn thiện Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN và một số TTHC được cung cấp trực tuyến đạt mức độ 3, 4.

- Duy trì hoạt động thường xuyên của hạ tầng kỹ thuật: Đảm bảo vận hành an toàn, thông suốt phòng máy chủ, hệ thống mạng, hệ thống máy tính của Bộ; Đảm bảo Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đáp ứng nhu cầu thực tế của Bộ; Triển khai hệ thống mạng không dây tại Trụ sở 113 Trần Duy Hưng;...

Bên cạnh các kết quả đạt được, Bộ KH&CN vẫn còn một số nhiệm vụ chưa đạt được kết quả mong muốn, cụ thể là:

- Còn thiếu các văn bản hướng dẫn quan trọng như: Chương trình hành động của Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT Bộ KH&CN; Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ KH&CN; Quy chế quản lý đầu tư ứng dụng CNTT của Bộ KH&CN;...

- Việc thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể được ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-BKHCN ngày 24/3/2016 còn chậm so với thời hạn hoàn thành theo dự kiến.

B. Những khó khăn, hạn chế

Hoạt động ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN trong năm 2016 còn một số những khó khăn, chủ yếu sau đây:

- Khó khăn, hạn chế về nguồn kinh phí: Bộ KH&CN đã chủ động nghiên cứu, xây dựng và ban hành các Kế hoạch ứng dụng CNTT hằng năm. Tuy nhiên, các Kế hoạch này mới chỉ góp phần định hướng quản lý thống nhất hoạt động ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN, chưa đạt được kết quả mong muốn do gặp khó khăn trong việc bố trí nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện Kế hoạch theo mục tiêu đề ra.

- Khó khăn, hạn chế về nguồn nhân lực: Về cơ bản Bộ KH&CN đã hình thành đầy đủ cơ cấu tổ chức quản lý CNTT các cấp như Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT; Đơn vị chuyên trách về CNTT; các phòng/ban/bộ phận chuyên trách về CNTT; các cán bộ đầu mối về CNTT;... Tuy nhiên, việc chỉ đạo, giám sát và tổ chức triển khai thông suốt các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung còn gặp khó khăn, chưa đạt các mục tiêu đã đề ra.

- Ngoài ra, việc thực hiện ứng dụng CNTT kết hợp với Hệ thống quản lý chất lượng ISO (ISO điện tử) còn hạn chế. Còn thiếu sự cam kết bằng văn bản của các bên có liên quan trong việc đề xuất, xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của Bộ và của ngành KH&CN.

C. Đề xuất giải pháp khắc phục

Để từng bước khắc phục những khó khăn, hạn chế chủ yếu nêu trên, Bộ KH&CN cần quan tâm thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí cho ứng dụng CNTT, tiến tới xây dựng Chính phủ điện tử tại Bộ KH&CN:

Theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015, Bộ KH&CN là đơn vị được giao chủ trì hướng dẫn việc sử dụng ngân sách chi cho KH&CN về công tác ứng dụng CNTT. Đây là một lợi thế rất lớn, giúp Bộ KH&CN chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, dự án, đề án ứng dụng CNTT dài hạn, trung hạn và hằng năm. Việc lập mục chi CNTT theo quy định sẽ là một nhiệm vụ quan trọng giúp hình thành cơ chế theo dõi, giám quản và đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách chi cho ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN. Ngoài ra, Bộ KH&CN có thể hình thành cơ chế hợp tác công tư (PPP - Public Private Partnership) để huy động các nguồn vốn đầu tư cho các dự án lớn về CNTT.

Nhằm tăng cường khả năng giám quản, đánh giá hiệu quả đầu tư, hạn chế đầu tư trùng lặp, tiết kiệm chi phí và thời gian triển khai các dự án CNTT, Bộ KH&CN phải sớm ban hành một số văn bản hướng dẫn quan trọng như Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ KH&CN; Quy chế quản lý đầu tư ứng dụng CNTT của Bộ KH&CN;... Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT làm đầu mối chỉ đạo, giám sát thông suốt các nhiệm vụ, dự án CNTT lớn của Bộ; các đơn vị trực thuộc Bộ phải tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT của Bộ KH&CN.

Thứ hai, tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, trước hết là cải cách TTHC và chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ nội bộ:

Một trong những vấn đề cốt lõi đảm bảo triển khai các ứng dụng CNTT thành công trước tiên phải là cải cách hành chính, nó được coi là điều kiện tiên quyết và không thể tách rời với ứng dụng CNTT trong quá trình xây dựng Chính phủ điện tử tại Bộ KH&CN. Kinh nghiệm thực tiễn ở khắp nơi trên thế giới cho thấy ứng dụng CNTT không gắn liền với cải cách hành chính sẽ thất bại. Tại Việt Nam, ứng dụng CNTT cũng không thể tách rời công nghệ với các nghiệp vụ hành chính và sự đồng thuận của người sử dụng. Các hoạt động cải cách hành chính sẽ thuận lợi nếu như các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN hình thành được thói quen thường xuyên tái cơ cấu quy trình nghiệp vụ (BPR - Business Process Reengineering) trong mọi hoạt động ứng dụng CNTT. Đặc biệt, cải cách hành chính luôn phải xác định cần phải vượt qua được các cản trở do thói quen thủ cựu để lại. Vì vậy, trong thời gian tới, Bộ KH&CN cần tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong tất cả các đơn vị trực thuộc Bộ.

Thứ ba, tổ chức và vận hành bộ máy của Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT có hiệu quả:

Theo Quyết định số 3892/QĐ-BKHCN ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT Bộ KH&CN, đây là một định chế rất quan trọng giúp Bộ trưởng trong việc xây dựng các chương trình, kế hoạch thúc đẩy ứng dụng CNTT trong hoạt động của Bộ KH&CN theo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đồng thời chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc việc thực hiện triển khai các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ KH&CN và triển khai thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015. Tuy nhiên, các thành viên Ban Chỉ đạo đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và chưa hình thành rõ ràng nhiệm vụ của đơn vị thường trực, tổ giúp việc để đảm bảo đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN trong thời gian tới.

Để tổ chức thực hiện có hiệu quả, Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT cần phải có đơn vị thường trực giúp việc; các Hội đồng tư vấn và Hội đồng chuyên gia (tùy theo nhiệm vụ, dự án cụ thể). Cần phải ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo để quy định rõ về nguyên tắc, trách nhiệm, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác.

Các hoạt động ứng dụng CNTT của Bộ KH&CN cần được thẩm định về tính phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ về giải pháp công nghệ; phù hợp về chuẩn và quy chế; tác động tới quy trình nghiệp vụ và khả thi về tài chính. Đơn vị chuyên trách về CNTT tổ chức đánh giá thường xuyên, xây dựng báo cáo thường niên về tình hình hoạt động ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN, xây dựng các báo cáo của Ban Chỉ đạo.

Ngoài các giải pháp chủ yếu đã được trình bày ở trên, Bộ KH&CN cần chú ý kết hợp với một số giải pháp khác tùy vào điều kiện thực tế như: tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền về ứng dụng CNTT; tăng cường học tập kinh nghiệm quốc tế và trong nước; tăng cường hợp tác với các

chuyên gia tư vấn, doanh nghiệp CNTT-TT hàng đầu; nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực CNTT và xây dựng kế hoạch hợp lý để dịch chuyển từ mô hình quản lý truyền thống hiện tại sang mô hình quản lý hiện đại trong tương lai.

III. MỤC TIÊU

a) Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, CSDL tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, CSDL tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng giữa các cơ quan, đơn vị trên cơ sở Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ KH&CN sau khi được ban hành.

b) Tính đến hết năm 2017: cung cấp 244 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 03 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, từng bước phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi.

c) Tăng tỷ lệ trao đổi văn bản dưới dạng điện tử giữa các cơ quan, đơn vị ít nhất 15% so với năm 2016.

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Nâng cấp hạ tầng CNTT dùng chung của Bộ phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, CSDL các danh mục dùng chung của Bộ KH&CN,...

b) Nghiên cứu, xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp các hệ thống thông tin, CSDL trong nội bộ Bộ.

c) Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống thông tin, CSDL của Bộ.

d) Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật CNTT cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ KH&CN (bao gồm máy tính cá nhân có kết nối LAN, Internet, thư điện tử, phần mềm phòng, chống virus,...).

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ

a) Tiếp tục triển khai các hệ thống dùng chung của Bộ đến tất cả các đơn vị trực thuộc Bộ: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức;...

b) Nâng cấp hệ thống thư điện tử của Bộ KH&CN.

c) Xây dựng và triển khai CSDL các danh mục dùng chung của Bộ KH&CN.

d) Xây dựng hệ thống phần mềm nền tảng xử lý nghiệp vụ nội bộ cho các đơn vị trực thuộc Bộ.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, phù hợp với nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp theo định hướng tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015, Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015, và theo Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ KH&CN năm 2017 đã được Bộ phê duyệt.

b) Tiếp nhận, vận hành, quản lý, khai thác Cổng Thông tin điện tử Bộ KH&CN (Portal MOST) sau khi hoàn thiện nâng cấp trong năm 2016. Khai thác triệt để các chức năng và tính năng đã được nâng cấp của Portal MOST mới, đáp ứng tối đa nhu cầu cung cấp thông tin cho người dân và doanh nghiệp.

c) Xây dựng hạ tầng phần mềm dịch vụ công trực tuyến của Bộ KH&CN.

d) Tích hợp các dịch vụ công trực tuyến của Bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

4. Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử tại Bộ KH&CN

a) Tiếp tục xây dựng hệ thống thông tin đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp qua mạng điện tử.

b) Nghiên cứu, xây dựng hệ thống thông tin về nhiệm vụ KH&CN phục vụ quản lý đề tài, dự án KH&CN trên mạng điện tử.

c) Nghiên cứu, xây dựng hệ thống thông tin đánh giá thẩm định công nghệ trên phạm vi toàn quốc.

d) Nghiên cứu, xây dựng CSDL về KH&CN đảm bảo nhu cầu cung cấp thông tin về: cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; nhiệm vụ KH&CN; tài sản sở hữu trí tuệ, công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao công nghệ; doanh nghiệp KH&CN;...

5. Phát triển nguồn nhân lực

a) Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT Bộ KH&CN.

b) Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin nội bộ: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức;...

c) Tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ.

d) Đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ chuyên trách về CNTT và an toàn thông tin các nội dung chuyên sâu về kiến trúc Chính phủ điện tử, quản trị mạng, quản trị hệ thống thông tin, CSDL; an toàn, an ninh thông tin;...

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp môi trường chính sách

Trong năm 2017, Bộ KH&CN tập trung ưu tiên nghiên cứu, xây dựng và ban hành một số văn bản quan trọng như:

a) Kiến trúc Chính phủ điện tử tại Bộ KH&CN.

b) Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT Bộ KH&CN.

c) Chương trình hành động của Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT Bộ KH&CN.

d) Sửa đổi, bổ sung các Quy chế Tổ chức quản lý và duy trì hoạt động Công thông tin điện tử Bộ KH&CN (tại Quyết định số 2973/QĐ-BKHCN ngày 27/9/2013); và Quy chế cung cấp thông tin cho Công thông tin điện tử Bộ KH&CN (tại Quyết định số 3483/QĐ-BKHCN ngày 08/11/2013).

đ) Kế hoạch ứng dụng CNTT và Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Bộ KH&CN năm 2018.

e) Quy chế quản lý đầu tư ứng dụng CNTT của Bộ KH&CN.

g) Quy chế về an toàn, an ninh thông tin tại Bộ KH&CN.

h) Quy chế sử dụng chữ ký số tại Bộ KH&CN.

i) Quy chế cung cấp và sử dụng hệ thống nền tảng cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Bộ KH&CN.

2. Giải pháp tài chính

a) Các đơn vị trực thuộc Bộ chủ động phối hợp với Trung tâm Tin học đề xuất các nhiệm vụ, dự án CNTT theo hướng dẫn của Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Văn phòng Bộ (Phòng Xây dựng cơ bản), Các Quỹ,...

b) Tăng cường thuê các dịch vụ CNTT chuyên nghiệp, sẵn có trên thị trường để triển khai ứng dụng CNTT theo định hướng tại Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30/12/2014.

c) Đối với những đơn vị có đủ năng lực về tài chính và nguồn nhân lực CNTT, hằng năm chủ động xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT của đơn vị mình, gửi về Trung tâm Tin học tổng hợp, theo dõi, báo cáo. Đối với những đơn vị chưa đủ năng lực về tài chính và nguồn nhân lực CNTT, hằng năm chủ động phối hợp với Trung tâm Tin học đề xuất, xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT vào Kế hoạch chung của Bộ.

3. Giải pháp tổ chức, triển khai

a) Tăng cường cam kết và tham gia trực tiếp của các cấp lãnh đạo, đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp của Lãnh đạo Bộ và Ban Chỉ đạo ứng dụng CNTT Bộ trong quá trình phát triển và triển khai ứng dụng CNTT.

b) Đối với việc xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin, CSDL của các đơn vị phải đảm bảo kết nối liên thông với các CSDL dùng chung của Bộ (CSDL chuyên gia KH&CN, CSDL cán bộ, công chức, viên chức,...) và sẵn sàng cung cấp số liệu báo cáo trên Công thông tin điện tử Bộ KH&CN.

c) Đối với các đơn vị chủ động triển khai kế hoạch ứng dụng CNTT phải đảm bảo phù hợp về Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ, tích hợp và liên thông hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống thông tin dùng chung của Bộ.

4. Giải pháp bảo đảm an toàn thông tin

a) Đảm bảo mỗi đơn vị (ngoài các đơn vị thuộc Khối cơ quan Bộ) phân công lãnh đạo đơn vị và cán bộ đầu mối chuyên trách công tác an toàn thông tin của đơn vị.

b) Đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ chuyên trách về an toàn thông tin. Tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức của Bộ.

c) Tổ chức rà soát, phân loại và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ đối với các hệ thống thông tin do đơn vị đang trực tiếp quản lý, vận hành theo các tiêu chí xác định cấp độ quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 26/7/2016 của Chính phủ Về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

d) Các đơn vị có trách nhiệm rà soát các hệ thống thông tin, CSDL đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về mặt kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 22/2013/TT-BTTTT ngày 23/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước và các quy định khác có liên quan.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Năm 2017, các nhiệm vụ, dự án đề xuất thực hiện cần ưu tiên các nhiệm vụ, dự án có tính chất nền tảng, dùng chung để thúc đẩy ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN theo hướng đồng bộ, thống nhất. Căn cứ mục tiêu, nội dung kế hoạch đã nêu, Bộ KH&CN đề xuất các nhiệm vụ, dự án phù hợp trên cơ sở đảm bảo nguồn lực triển khai, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, tránh trùng lặp lãng phí. Chi tiết danh mục nhiệm vụ, dự án ưu tiên triển khai năm 2017 tại các Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ

a) Thực hiện các nội dung về ứng dụng CNTT đã được nêu trong các Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo.

b) Phối hợp cùng Trung tâm Tin học trong việc triển khai các ứng dụng CNTT của Bộ.

c) Kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ 06 tháng và đột xuất (khi có yêu cầu) về tình hình thực hiện Kế hoạch theo hướng dẫn và yêu cầu của Trung tâm Tin học để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

d) Khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của Bộ và ứng dụng CNTT riêng của đơn vị theo đúng quy định.

đ) Cử và tạo điều kiện cho các cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng CNTT.

2. Trung tâm Tin học

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, triển khai, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này sau khi được Lãnh đạo Bộ phê duyệt.

b) Xây dựng báo cáo định kỳ 06 tháng và đột xuất (khi có yêu cầu) gửi Bộ trưởng, đề xuất điều chỉnh các nội dung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình ứng dụng CNTT trong các hoạt động của Bộ.

c) Tổ chức kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch này của các đơn vị trực thuộc Bộ.

3. Vụ Kế hoạch - Tổng hợp

Trên cơ sở Kế hoạch này, thực hiện cân đối nguồn vốn trong nước và nước ngoài cho ứng dụng và phát triển CNTT; bố trí kinh phí đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách năm cho các đề tài, dự án thành phần trong Kế hoạch này theo quy định.

4. Vụ Tài chính

Hướng dẫn các đơn vị liên quan trong công tác giải ngân các nhiệm vụ trong Kế hoạch này đúng tiến độ và tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

5. Văn phòng Bộ

a) Phối hợp với Vụ Pháp chế chủ trì thực hiện việc chuẩn hóa và áp dụng các quy trình hành chính tại cơ quan Bộ, bảo đảm gắn kết chặt chẽ việc ứng dụng CNTT trong quá trình cải cách hành chính của Bộ, giữa các đơn vị trực thuộc Bộ và với các đơn vị ngoài Bộ.

b) Phối hợp với Trung tâm Tin học xây dựng, triển khai các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch này.

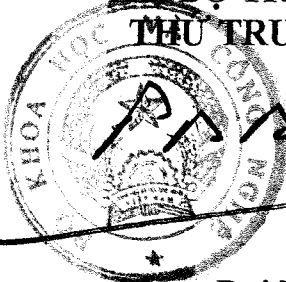
6. Vụ Tổ chức cán bộ

Phối hợp với Trung tâm Tin học đưa nội dung đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng CNTT vào kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho các cán bộ, công chức, viên chức đang công tác tại các đơn vị trực thuộc Bộ.

7. Vụ Công nghệ cao

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, đôn đốc, báo cáo Lãnh đạo Bộ việc triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử của Bộ KH&CN ban hành theo Quyết định số 572/QĐ-BKH&CN ngày 24/3/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Phạm Đại Dương

Phạm Đại Dương



Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG ƯU TIÊN TRIỂN KHAI NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4245 /QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
I	HẠ TẦNG KỸ THUẬT					
1	Duy trì, vận hành và quản lý đường truyền của hệ thống trung tâm hỗ trợ cảnh báo phóng xạ (ASC)	Cục an toàn bức xạ và hạt nhân	Duy trì thông suốt đường truyền mạng Metronet Quản lý hoạt động của hệ thống trung tâm hỗ trợ cảnh báo ASC		x	
2	Thuê bao đường truyền internet dùng riêng và mạng VinaREN	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Duy trì trạng thái hoạt động thường xuyên		x	
3	Thuê máy chủ cho Cổng thông tin điện tử của Trung tâm	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông KH&CN	Duy trì hoạt động của máy chủ và bảo mật cho Cổng thông tin điện tử			
4	Quản trị, vận hành và duy trì hoạt động cho Hệ thống mạng và máy chủ tại Phòng máy chủ của Bộ - 113 Trần Duy Hưng.	Trung tâm Tin học	Đảm bảo hoạt động thường xuyên và an toàn của Hạ tầng kỹ thuật CNTT-TT tại Trung tâm Dữ liệu chính của Bộ - 113 Trần Duy Hưng với Hệ thống máy chủ phiến, 32 thiết bị mạng lớp 2 và 3, Hệ thống tường		x	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
			lửa và Hệ thống chống tấn công mạng cùng các thiết bị lưu trữ chuyên dụng.			
5	Duy trì, bảo trì và vận hành Hạ tầng Điện toán đám mây của Bộ KH&CN.	Trung tâm Tin học	Đảm bảo hoạt động cho Hạ tầng Điện toán đám mây, sẵn sàng cung cấp dịch vụ CNTT nền tảng (IaaS, PaaS) cho các đơn vị trực thuộc Bộ.		x	
6	Rà soát và xử lý các nguy cơ có thể bị tin tặc tấn công, chiếm quyền kiểm soát và thất thoát dữ liệu của các cán bộ sử dụng mạng tại Nhà 113 Trần Duy Hưng.	Trung tâm Tin học	Thường xuyên kiểm tra định kỳ, dò tìm và phát hiện các lỗi bảo mật mà tin tặc có thể xâm nhập vào Hệ thống mạng, máy chủ và máy tính trạm. Cảnh báo nguy cơ gây thất thoát dữ liệu của các cán bộ sử dụng mạng tại Nhà 113 Trần Duy Hưng vào tay tin tặc. Đưa ra biện pháp xử lý và khắc phục để giảm thiểu các nguy cơ gây thất thoát dữ liệu.		x	
7	Bảo trì, sửa chữa, mua sắm linh kiện thay thế và khắc phục sự cố cho hệ thống máy tính trạm, máy in đã được trang bị cho các đơn vị thuộc khối cơ quan quản lý Nhà nước tại Trụ sở Bộ -113 Trần Duy Hưng.	Trung tâm Tin học	Đảm bảo sự hoạt động ổn định cho toàn bộ máy tính trạm và máy in đã được trang bị cho các đơn vị thuộc khối cơ quan quản lý Nhà nước tại Trụ sở Bộ - 113 Trần Duy Hưng.		x	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
8	Thuê đường truyền Internet cho các ứng dụng chạy trên hạ tầng CNTT tại Phòng máy chủ của Bộ - 113 Trần Duy Hưng.	Trung tâm Tin học	Đảm bảo cung cấp đầy đủ băng thông Internet trong nước và quốc tế (500 Mbps/18Mbps) x 02 đường truyền tại 113 Trần Duy Hưng theo mức thuê với các nhà cung cấp dịch vụ.		x	
9	Thuê đường truyền Internet cho các ứng dụng chạy trên hạ tầng CNTT tại Phòng máy chủ của Bộ - 39 Trần Hưng Đạo.	Trung tâm Tin học	Đảm bảo cung cấp đầy đủ băng thông Internet trong nước và quốc tế (100Mbps/08Mbps) tại 39 Trần Hưng Đạo theo mức thuê với các nhà cung cấp dịch vụ.		x	
10	Phí bản quyền sử dụng các phần mềm an toàn, an ninh thông tin (anti virus, spyware, anti spam) năm 2017.	Trung tâm Tin học	Đảm bảo an toàn về virus, spyware, thư rác cho toàn bộ Hệ thống máy chủ, Hệ thống Thư điện tử đặt tại các Phòng máy chủ của Bộ và Hệ thống máy trạm của các đơn vị có Trụ sở tại 113 Trần Duy Hưng.		x	
11	Thuê thiết bị Hội nghị truyền hình phục vụ giao ban tháng của Bộ	Trung tâm Tin học	Thuê thiết bị và các dịch vụ HNTH. Cấu hình và vận hành các thiết bị phục vụ giao ban tháng của Bộ thông qua Hệ thống VC.		x	
12	Phí bản quyền phần mềm an toàn, an ninh thông tin, phòng chống virus	Viện Khoa học sở hữu trí tuệ	Phần mềm mới nhất nhằm bảo đảm an ninh thông tin, an toàn dữ liệu (phần mềm diệt virus, phần mềm tường lửa)		x	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
13	Thuê bao đường truyền Internet và hosting	Viện Khoa học sở hữu trí tuệ	Bảo đảm thông tin phục vụ hoạt động về nghiên cứu khoa học, đào tạo và giám định, định giá về sở hữu trí tuệ của Viện; bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ thông tin của người sử dụng.		x	
14	Hỗ trợ hoạt động Trung tâm máy tính	Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì đường truyền Internet; - Duy trì hệ thống mạng LAN; - Quản lý và bảo trì hệ thống máy chủ BladeServer JS22; - Cài đặt một số chương trình tính toán và hướng dẫn sử dụng. 		x	
15	Duy trì hoạt động hệ thống Intranet, Văn phòng điện tử, Thư điện tử, Website và cung cấp tin bài cho Website của Viện NLNTVN	Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam	Đảm bảo hệ thống internet, văn phòng điện tử và thư điện tử được hoạt động ổn định. Các tin bài được cập nhật đầy đủ nhanh và chính xác trên trang Web của Viện		x	
16	Hoạt động bảo đảm, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp dữ liệu về ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ phục vụ quản lý nhà nước về ứng dụng và phát triển công nghệ. Thuê máy chủ, thuê bao đường truyền internet; vận hành portal của Cục	Cục ứng dụng và phát triển công nghệ			x	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
17	Tăng cường trang thiết bị	Viện Chiến lược và Chính sách	Nâng cao chất lượng môi trường làm việc, tạo điều kiện thuận lợi giúp đạt hiệu quả cao trong công tác cho các cán bộ.		X	
		Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ			X	
		Viện Khoa học sở hữu trí tuệ			X	
		Báo Khoa học và Phát triển			X	
		Trung tâm NC&PT hội nhập KH&CN Quốc tế			X	
		Cục Công tác phía Nam			X	
		Thanh tra Bộ				X
		Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển quốc gia về công nghệ mở			X	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
II ỨNG DỤNG CNTT TRONG NỘI BỘ						
1	Vận hành và duy trì hệ thống định vị nguồn phóng xạ	Cục an toàn bức xạ hạt nhân	Duy trì hệ thống		x	
2	Xây dựng và quản lý CSDL về các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực và chương trình quản lý tri thức của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân	Cục an toàn bức xạ và hạt nhân	CSDL về các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực		x	
3	Cập nhật hệ CSDL quốc gia về các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử	Cục năng lượng nguyên tử	- Bổ sung, cập nhật dữ liệu: Tổ chức thu thập và xử lý thông tin; Hoàn thiện dữ liệu về nhân lực - Quản lý và khai thác hệ CSDL		x	
4	Xây dựng và cập nhật hệ CSDL quốc gia về KH&CN	Cục thông tin KH&CN quốc gia			x	
5	Duy trì, vận hành và nâng cao tính sẵn sàng cho các ứng dụng CNTT đang cài đặt và khai thác tại Phòng máy chủ của Bộ phục vụ công tác quản lý (cài đặt, cấu hình, cập nhật bảo mật, hỗ trợ kỹ thuật....).	Trung tâm Tin học	+ Đảm bảo các ứng dụng CNTT đang cài đặt tại phòng máy chủ hoạt động ổn định, thông suốt 24/7; + Quản trị, vận hành hệ thống các ứng dụng đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng; + Quản trị, vận hành các máy chủ cài đặt CSDL vận hành ổn định 24/7;		x	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
			+ Rà soát, đánh giá bảo mật, cập nhật các bản vá lỗi cho các ứng dụng công nghệ thông tin đang cài đặt tại phòng máy chủ của Bộ - 113 Trần Duy Hưng.			
6	Đảm bảo Hệ thống các CSDL đang cài đặt và khai thác tại Phòng máy chủ của Bộ hoạt động ổn định phục vụ công tác quản lý (cấu hình, cập nhật, sao lưu, phục hồi, ...).	Trung tâm Tin học	+ Đảm bảo hệ thống các CSDL đang cài đặt và khai thác tại phòng máy chủ hoạt động ổn định, thông suốt; + Quản trị, vận hành hệ thống các CSDL đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng; + Quản trị, vận hành các máy chủ cài đặt CSDL vận hành ổn định.		X	
7	Quản trị, vận hành, sử dụng phần mềm Quản lý xây dựng Đề án tại Bộ KH&CN	Trung tâm Tin học	- Quản trị phần mềm quản lý xây dựng đề án tại Bộ KH&CN; - Vận hành phần mềm quản lý xây dựng đề án, hướng dẫn, khắc phục sự cố phần mềm đảm bảo hoạt động 24/7		X	
8	Quản trị, vận hành, sử dụng phần mềm và CSDL chuyên gia của Bộ KH&CN	Trung tâm Tin học	Đảm bảo phần mềm quản lý CSDL chuyên gia của Bộ KH&CN đang cài đặt và khai thác tại Phòng máy chủ của Bộ 113 Trần Duy Hưng) hoạt động ổn định, đảm bảo an toàn thông tin.		X	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
9	Theo dõi, cập nhật, triển khai kế hoạch tổng thể giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng kế hoạch, lộ trình hàng năm về ứng dụng CNTT của Bộ KH&CN.	Trung tâm Tin học	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch ứng dụng CNTT, Lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến hàng năm của Bộ KH&CN; - Kế hoạch ứng dụng CNTT tổng thể 5 năm của Bộ KH&CN được cập nhật theo điều chỉnh thực tế hàng năm; - Báo cáo hiện trạng ứng dụng CNTT hàng năm của Bộ KH&CN; - Đánh giá việc triển khai ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN. 		X	
10	Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, hướng dẫn, triển khai các văn bản quy phạm thúc đẩy ứng dụng CNTT tại Bộ KH&CN	Trung tâm Tin học	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng dự thảo 01 quy chế thúc đẩy ứng dụng CNTT trình lãnh đạo Bộ KH&CN ban hành - Báo cáo kết quả việc thực hiện các văn bản quy định về ứng dụng CNTT tại Bộ. - Chỉnh sửa, hiệu đính lại các văn bản đã ban hành theo các quy định mới của Chính phủ và Bộ chức năng. 		X	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
11	Theo dõi, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung, triển khai lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến và Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ KH&CN	Trung tâm Tin học	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo điều chỉnh thực tế hàng năm của Bộ. - Báo cáo về việc thực hiện lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ KH&CN. - Ban hành Quy chế công bố dịch vụ hành chính công mức độ 3, 4 trên Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN - Cập nhật Kiến trúc chính phủ theo điều chỉnh thực tế hàng năm. - Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kiến trúc Chính phủ điện tử. - Báo cáo đánh giá việc thực hiện Kiến trúc chính phủ hàng năm của Bộ KH&CN. 		x	
12	Duy trì, vận hành hệ thống phần mềm cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Bộ KH&CN	Trung tâm Tin học	<ul style="list-style-type: none"> + Đảm bảo hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến hoạt động ổn định 24/7 phục vụ người dân và doanh nghiệp; + Quản trị, vận hành hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng; + Quản trị, vận hành các máy chủ cài đặt ứng dụng và CSDL vận hành ổn định; + Rà soát, phân tích bảo mật, cập nhật các 		x	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
			bản vá lỗi cho hệ thống phần mềm dịch vụ công trực tuyến của Bộ KH&CN.			
13	Chi hoạt động Ban chỉ đạo Ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ KH&CN	Trung tâm Tin học	Đảm bảo hoạt động của Ban chỉ đạo		x	
14	Duy trì hệ thống kết nối thông tin và đào tạo trực tuyến	Trường quản lý KH&CN			x	
15	Duy trì, cập nhật, khai thác và phát triển CSDL chuyên gia KH&CN phục vụ công tác quản lý của Bộ KH&CN	Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ			x	
16	Duy trì, cập nhật CSDL sở hữu công nghiệp	Viện Khoa học sở hữu trí tuệ	CSDL về đăng ký các quyền SHCN (sáng chế/KDCN/NH) tại VN, CSDL về từ chối/khiếu nại cấp VBBH; CSDL về hủy bỏ/chấm dứt hiệu lực VBBH ở VN; CSDL về chuyển giao/chuyển nhượng quyền SHCN tại Việt Nam, phục vụ công tác tư vấn, giám định, định giá về SHTT.		x	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
III	ỨNG DỤNG CNTT PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP					
1	Duy trì và cập nhật: Cổng thông tin điện tử, CSDL và hệ thống công nghệ thông tin của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân	01 Nhật ký cập nhật tin bài trên Website (30 ảnh, 30 tin tiếng Việt và 30 tin dịch Anh-Việt, Việt-Anh)		x	
2	Duy trì website của Cục, bảo đảm an toàn mạng	Cục Thông tin KH&CN quốc gia	Chống hacker xâm nhập, đảm bảo mạng thông suốt, an toàn		x	
3	Nhiệm vụ duy trì và bảo dưỡng Website	Tạp chí Khoa học công nghệ Việt Nam			x	
4	Duy trì hoạt động của hệ thống mạng; trang/cổng thông tin điện tử và thiết bị công nghệ thông tin của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Duy trì trạng thái hoạt động thường xuyên		x	
5	Duy trì hoạt động của CSDL thực thi quyền sở hữu trí tuệ và trang tin điện tử Thanh tra KH&CN	Thanh tra Bộ		x		
6	Phát triển cộng đồng và hoạt động thông tin phục vụ phát triển phần mềm nguồn mở	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển quốc gia về công	- CSDL mạng lưới 300 chuyên gia về công nghệ mở đến từ các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học trên toàn quốc;		x	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
		nghe mở	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển cộng đồng phần mềm nguồn mở theo đúng mô hình phát triển phần mềm nguồn mở trên thế giới; - Duy trì và cập nhật cổng thông tin nguồn mở của Bộ KH&CN (50 bài báo, bản tin chuyên ngành); - 03 kỹ yếu, biên bản hội thảo toàn quốc thường niên về nghiên cứu và phát triển công nghệ mở (03 hội thảo tại 03 miền, 30 đại biểu mỗi hội thảo). 			
7	Duy trì, cập nhật CSDL cho cổng thông tin điện tử của Trung tâm.	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển truyền thông KH&CN	Các tin, bài về hoạt động KH&CN trên Cổng thông tin điện tử của Trung tâm: www.truyenthongkhoahoc.vn			
8	Hoạt động của Ban biên tập Portal MOST	Trung tâm Tin học	Đảm bảo hoạt động thường xuyên của Ban biên tập Portal MOST		x	
9	Tổ chức đánh giá định kỳ hoạt động các trang thông tin điện tử trên mạng Internet của các đơn vị trực thuộc Bộ (website)	Trung tâm Tin học	Báo cáo đánh giá Hệ thống các website trình Lãnh đạo Bộ		x	
10	Đảm bảo thông tin cho Cổng thông tin điện tử (Portal MOST).	Trung tâm Tin học	Thu thập và cập nhật thông tin cho website MOST.		x	

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
11	Hỗ trợ hoạt động của mạng an toàn hạt nhân Châu Á	Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thông tin lên trang ANSN Việt Nam; - Biên tập và phân loại các tài liệu; - Viết các tin bài liên quan đến an toàn hạt nhân và hoạt động của mạng ANSN; - Bảo trì phần mềm hệ thống cho mạng ANSN Việt Nam. 		x	
IV	NGUỒN NHÂN LỰC ỨNG DỤNG CNTT					
1	Tổ chức các lớp tập huấn về ứng dụng CNTT cho các cán bộ trong Bộ.	Trung tâm Tin học	Các lớp tập huấn về CNTT cho cán bộ trong Bộ được tổ chức theo nhu cầu và yêu cầu.		x	
2	Cập nhật, phổ biến các giải pháp và mô hình phát triển về công nghệ mở	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển quốc gia về công nghệ mở	<ul style="list-style-type: none"> - CSDL cập nhật 40 các phiên bản mới của phần mềm nguồn mở trên thế giới (hệ điều hành, ứng dụng văn phòng, duyệt web, e-mail,...) được cập nhật, phổ biến cho các đối tượng người dùng; - 01 tài liệu kỹ thuật giới thiệu các mô hình hệ thống thông tin mở, hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn cài đặt các phần mềm mã nguồn mở; - 80 cán bộ được tập huấn, phổ biến các giải pháp và mô hình phát triển về công nghệ mở 		x	



Phụ lục 2

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN KHÔNG THƯỜNG XUYÊN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4245/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
1	Triển khai xây dựng Công thông tin điện tử Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam	Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam	Hoàn thiện Công thông tin điện tử của Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam		x	
2	Nghiên cứu, xây dựng Hệ thống kiểm soát vào ra bằng thẻ và tiết kiệm năng lượng, cho các cơ quan hành chính sự nghiệp.	Viện Ứng dụng Công nghệ	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống phần mềm kiểm soát vào ra sử dụng thẻ quét, có thống kê báo cáo quá trình vào ra, và điều khiển thiết bị điện theo lịch, điều khiển khóa cửa;- Các bảng biểu, sơ đồ thiết kế, hướng dẫn sử dụng hệ thống;- Các kịch bản hoạt động cho hệ thống;- Triển khai hệ thống trên mạng internet, với giao diện Tiếng Việt, dễ vận hành và sử dụng, phục vụ đồng thời nhiều người dùng.		x	
3	Xây dựng hệ thống thông tin tích hợp phục vụ triển khai Chính phủ điện tử tại Bộ KH&CN giai đoạn 2017-2020	Trung tâm Tin học	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng hạ tầng phần mềm dịch vụ công để triển khai dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ KH&CN;- Xây dựng hạ tầng phần mềm CSDL dùng chung, kết nối và đồng bộ CSDL cho các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN;			x

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
			<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng hệ thống phần mềm nền tảng xử lý nghiệp vụ cho các đơn vị sử dụng hạ tầng dùng chung, hạ tầng kết nối và đồng bộ cho các đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN; - Xây dựng triển khai hệ thống chứng thực điện tử chữ ký số phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT của Bộ; - Xây dựng hệ thống giám sát hạ tầng CNTT của Bộ KH&CN, kết nối với hệ thống giám sát của chính phủ. 			
4	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý đề tài, dự án KH&CN trên mạng điện tử	Theo sự phân công của Lãnh đạo Bộ KH&CN	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình quản lý đề tài, dự án KH&CN; chuẩn hóa quy trình phục vụ tin học hóa theo nhu cầu thực tế; - Xây dựng phần mềm quản lý đề tài, dự án KH&CN trên mạng điện tử; - CSDL đề tài, dự án dùng chung phục vụ các tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực KH&CN; - Xây dựng quy chế khai thác, sử dụng hệ thống thông tin quản lý hệ thống thông tin, CSDL các đề tài, dự án KH&CN. 			x
5	Xây dựng CSDL về KH&CN	Cục Thông tin KH&CN quốc gia	Xây dựng CSDL về ngành KH&CN đảm bảo nhu cầu cung cấp thông tin về: cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; nhiệm vụ KH&CN; tài sản sở hữu trí tuệ, công nghệ, công nghệ cao, chuyển giao			x

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Mục tiêu đầu tư	Nguồn kinh phí		
				QLHC	SNKH	Khác
			công nghệ; doanh nghiệp KH&CN;...			
6	Xây dựng Phần mềm và CSDL đánh giá thẩm định công nghệ trên phạm vi toàn quốc	Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ	- Nâng cấp Phần mềm đánh giá TĐCN; - Hệ thống CSDL đánh giá thẩm định công nghệ phạm vi toàn quốc.			x
7	Nghiên cứu phát triển một số dịch vụ KH&CN sử dụng trang thông tin điện tử làm công cụ (trường hợp Trung tâm Nghiên cứu và phát triển hội nhập KH&CN quốc tế)	Trung tâm Nghiên cứu và phát triển hội nhập KH&CN quốc tế.	Đưa ra được các dịch vụ khả thi có thể áp dụng thực hiện thông qua trang thông tin điện tử của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển hội nhập KH&CN quốc tế		x	

